

NGUYỄN VĂN QUÝ\*  
TẠ QUỐC KHÁNH\*\*

## PHẬT GIÁO CHAMPA QUA NHỮNG DẤU TÍCH KIẾN TRÚC VÀ DI VẬT

**Tóm tắt:** Vương quốc Champa cổ đại từng tồn tại trên dải đất miền Trung Việt Nam từ thế kỷ II đến nửa đầu thế kỷ XIX và đã để lại nhiều di sản văn hóa quý báu, góp phần làm phong phú kho tàng di sản văn hóa Việt Nam. Người dân Champa trong lịch sử coi Bàlamôn giáo là tôn giáo chính. Rất nhiều đền tháp, thánh địa được xây dựng trên dải đất miền Trung để tôn thờ các vị thần thuộc tôn giáo này. Phật giáo cũng đã được truyền vào Champa từ sớm và đã từng phát triển mạnh vào cuối thế kỷ IX, đầu thế kỷ X, với trung tâm là Phật viện Đồng Dương (Thăng Bình – Quảng Nam). Không chỉ ở Phật viện Đồng Dương mà nhiều dấu vết kiến trúc, di vật có liên quan đến Phật giáo của người dân Champa cổ tiếp tục được phát hiện rải rác ở nhiều địa bàn khắp miền Trung Việt Nam. Những kết quả nghiên cứu đó đã và đang dần dần làm sáng tỏ nhiều vấn đề trong đời sống văn hoá xã hội và tôn giáo của người dân vương quốc Champa trong lịch sử. Bài nghiên cứu này được tiếp cận từ Sử học tôn giáo, đồng thời, kế thừa kết quả nghiên cứu Khảo cổ học để phân tích, đánh giá, nhận định Phật giáo Champa qua những dấu tích và di vật hiện còn.

**Từ khóa:** Phật giáo, Phật giáo Champa, kiến trúc, di vật, Phật viện Đồng Dương

\* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

\*\* Viện Bảo tồn Di tích, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Bài viết là một sản phẩm nghiên cứu của đề tài cấp Bộ (2023-2024) về “**Phật giáo trong lịch sử dân tộc Chăm ở Việt Nam**” do TS. Nguyễn Văn Quý làm chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Tôn giáo chủ trì.

Ngày nhận bài: 16/6/2024; Ngày biên tập: 25/6/2024; Duyệt đăng: 18/8/2024.

### **Dẫn nhập**

Các thư tịch cổ từ Trung Hoa, Đại Việt và Champa trước đây đã cho biết về sự tồn tại của vương quốc Champa có thể chế chính trị, kinh tế, văn hoá tôn giáo riêng. Song, do điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, những biến động của lịch sử và quá trình cư trú, di cư của nhiều thế hệ người dân,... mà nhiều công trình kiến trúc quân sự, dân sự và nhất là những công trình và di sản văn hóa liên quan đến tôn giáo của cư dân Champa trong lịch sử đã bị mai một.

Trong mấy thập niên gần đây các công trình đền tháp Champa hiện còn ở miền Trung đã được chính quyền và người dân coi trọng bảo tồn và phát huy giá trị di tích. Nhiều di vật như các tác phẩm điêu khắc nghệ thuật, bi ký đã được đưa vào trưng bày, giới thiệu các giá trị lịch sử, văn hoá, tôn giáo tại các bảo tàng. Tuy nhiên, chắc chắn còn nhiều di vật chưa được phát hiện, và vẫn còn nhiều di vật đã được phát hiện đang “lưu lạc” trong cộng đồng trong nước và nước ngoài. Do đó, vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di tích còn gặp nhiều khó khăn.

Những kết quả của các nhà Khảo cổ học do người Pháp phát hiện vào những năm đầu thế kỷ XX và các nhà nghiên cứu Việt Nam sau đó, cho thấy, nhiều dấu vết vật chất văn hoá, tôn giáo Champa rất phong phú, đa dạng. Ngoài những thành lũy, công trình dân sinh như thuỷ lợi, giếng nước được tìm thấy ở cả Bắc và Nam Champa thì những đền tháp, tác phẩm điêu khắc tượng Phật, Bồ tát, các vị thần, các bia ký,... hiện diện trên khắp dải đất miền Trung Việt Nam, đã phản ánh tính lịch sử, văn hoá và nhất là tôn giáo Champa trong quá khứ. Những nghiên cứu, phân tích Phật giáo Champa qua những dấu vết vật chất, nhất là qua kiến trúc và di vật vốn đã được các nhà nghiên cứu quan tâm, nhưng chủ yếu là tiếp cận Sử học, Khảo cổ học hay Văn hoá học đã góp phần làm rõ hơn về lịch sử, xã hội và văn hoá Champa. Có thể kể đến một vài công trình tiêu biểu như: *Thống kê khảo tả di tích Chăm ở Trung kỳ*, Paris (1909 – 1919) của H.Parmentier; *La statuaire du Champa, recherche sur cultes et L'Iconographie* của J. Boisselier; *Các Dravapala Đồng Dương, hệ thống Lokapala đặc biệt của nghệ thuật Phật giáo Champa* của PGS.TS. Ngô Văn Doanh; *The Inscriptions of Campā in the Museum of Cham Sculpture at Da Nang* của nhóm nghiên

cứ Griffiths A., Amandine Lepoutre, William A. Southworth and Thanh Phan; *Phật giáo Champa qua tư liệu khảo cổ học* của Lê Đình Phụng; *Nhận thức mới về pho tượng Bồ tát bằng đồng của Phật viện Đồng Dương, Laksmindra-Lokesvara, Prajanaparamita hay Tara* của nhóm nghiên cứu Trần Kỳ Phương, Nguyễn Thị Tú Anh,... Qua đó, cho thấy kết quả khai quật Khảo cổ học đã minh chứng mối quan hệ giữa văn hoá Champa với văn hoá Sa Huỳnh; sự ảnh hưởng của văn hóa, tôn giáo Ấn Độ đến người dân Champa; hay nhiều di tích kiến trúc mang phong cách văn hoá Đại Việt lại nằm chồng lên di tích của người Champa,... Trong quá trình điền dã, khảo sát các kiến trúc và di vật của cộng đồng người Chăm hiện tồn, vì không tiếp cận được nhiều so với những ghi chép trong lịch sử, nên việc đánh giá về Phật giáo Champa qua kiến trúc và di vật cũng còn nhiều hạn chế. Trong bài viết, nhóm nghiên cứu sử dụng tên gọi *Phật giáo Champa* nhằm chỉ một tôn giáo đã từng hiện diện trong lịch sử vương quốc Champa xưa mà hiện nay chỉ còn những dấu tích như Phật viện Đồng Dương, hệ thống tượng Phật, Bồ tát, bi ký liên quan đến Phật giáo,... Trên cơ sở kế thừa các công trình nghiên cứu trước đó, bài viết tập trung phân tích những dấu vết kiến trúc và di vật liên quan đến Phật giáo Champa nhằm làm rõ hơn đặc trưng Phật giáo Champa trong lịch sử. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong bài viết chủ yếu là phương pháp điều tra và phương pháp phân tích, tổng hợp, để đánh giá các sự vật hiện tượng liên quan đến Phật giáo Champa trong lịch sử dân tộc.

### **1. Những dấu tích kiến trúc Phật giáo Champa**

Dấu vết kiến trúc Phật giáo ở vương quốc Champa xưa so với những dấu vết kiến trúc Bàlamôn giáo đã tìm thấy thì số lượng ít hơn. Tuy nhiên, ngoài những dấu tích Phật viện Đồng Dương nổi tiếng, các nhà khoa học cũng đã phát hiện được một số dấu tích Phật viện khác ở Quảng Bình. Cùng với đó, phát hiện nhiều di vật như tượng Phật, bi ký rải rác từ Quảng Bình đến tận Bình Thuận ngày nay, điều đó cho thấy, Phật giáo cũng đã hiện diện ở nhiều khu vực mà cộng đồng người Champa trong lịch sử đã từng sinh sống.

### ***1.1. Những dấu tích kiến trúc Phật giáo tại Quảng Bình***

Hiện nay, ở tỉnh Quảng Bình đã phát hiện hai di tích rất quan trọng liên quan đến Phật giáo là Đại Hữu và Mỹ Đức. Cả hai di tích này đã được các nhà Khảo cổ học người Pháp khai quật và công bố từ những năm đầu thế kỷ XX.

*Di tích Đại Hữu:* tọa lạc tại cụm 3, thôn Đại Hữu, xã An Ninh, huyện Quảng Ninh hiện nay. Khu vực này thuộc vùng bán sơn địa, gần núi Thần Đinh và sông Long Đại. Di tích Đại Hữu được Linh mục P. Henri de Pirey khai quật trong ba năm 1918, 1922 và 1925. Kết quả sơ bộ được L. Finot và V. Golubev công bố trong năm 1925 rồi sau đó được L. Arousseau công bố đầy đủ trên BEFEO [L. Arousseau, 1926: 359 – 362]. Kết quả khai quật của Linh mục đã lộ diện nền móng của ba tháp chính bằng gạch, có mặt bằng hình vuông, thẳng ba trục tháp song song và cách nhau khoảng 1m. Tháp A (tháp Nam) có kích thước 5,95m x 5,95m, lòng tháp kích thước 3m x 3m, cửa chính rộng 1,95m; Tháp B (tháp giữa) có kích thước nhỏ hơn (5,5m x 5,5m), lòng tháp rộng 3m x 3m, cửa chính rộng 1,45m; Tháp C (tháp Bắc) có kích thước 5,9 m x 5,9m, lòng tháp hẹp hơn hai tháp còn lại (2,9m x 2,9m), cửa chính rộng 1,76m. “Khi khai quật tháp A (tháp Nam) và C (tháp Bắc) đã phát hiện dấu vết của hốt thiêng bên trong chứa các vật thiêng, liên quan đến nghi lễ Ấn Độ giáo,... Dựa vào tài liệu bia ký và các tác phẩm điêu khắc, có thể khẳng định, khu đền tháp Đại Hữu có niên đại xây dựng dưới thời Jaya Sinhavarman (898 - 908), tức thế kỷ IX - X, nhằm cúng hiến cho Ratna – Lokesvara”. [Nguyễn Văn Quảng – Đinh Văn Viễn, 2019].

*Di tích Mỹ Đức:* Hiện nay tọa lạc trên một gò đất rộng khoảng 3.500m gần sông Cẩm Lý, cao hơn mặt đồng bằng xung quanh khoảng 0,60 đến 0,70m, thuộc đội 2, thôn Mỹ Đức, xã Sơn Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Linh mục P. Henri de Pirey phát hiện và tiến hành khai quật trong những năm 1921 – 1922, nhưng không có báo cáo nào được công bố ngoài một vài thông tin từ tường thuật của các học giả người Pháp sau đó [EFEO, 1918: tr 61; EFEO, 1922: 372 – 375; J. Boisselier, 1963: 136; L. Finot L - V. Golubev, 1925: 469 – 475]. Theo đó, kết quả khai quật cho thấy, khu đền - tháp

Mỹ Đức gồm ba tháp chính nằm thẳng hàng, phía trước có một tháp với ba cửa (tháp cổng?) và một tháp ở phía Nam, trong một tường bao vây quanh một phòng lớn nằm giữa trục của tổng thể. Cuộc khai quật này cũng đã tìm thấy nhiều hiện vật thể hiện rõ tính Phật giáo của khu đền tháp và thuộc cùng một phong cách nghệ thuật với di tích Đại Hữu. Dựa trên các tài liệu để lại và căn cứ vào kết quả khảo sát, các nhà nghiên cứu nhận định nhóm đền tháp Mỹ Đức có niên đại thế kỷ IX – X: “Trước đây, vào đầu thế kỷ XX, một học giả người Pháp là H. Parmentier cho rằng, đây là Thánh đường Phật giáo của người Chăm tại Mỹ Đức” [Trần Thị Diệu Hồng, 2017]. Song, những cơ sở bố trí như thế này gợi lại cùng một lúc các cơ sở ở Đại Hữu và cả những cơ sở ở Đồng Dương [J. Boisselier, 1963: 36].

Ngoài ra, *Động Phong Nha* gồm nhiều động thuộc thôn Phong Nha, xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình còn phát hiện một số dấu vết Phật giáo Champa trong các hang động, như động Lạc Sơn (huyện Tuyên Hóa) [Lê Đình Phụng, 2003] “Có những động được người Chăm biến thành động thờ Phật” [H. Parmentier]. Đặc biệt, những phát hiện, nghiên cứu từ đầu thế kỷ XX của các học giả người Pháp cho thấy động Phong Nha đã từng là trung tâm Phật giáo Đại thừa quan trọng của khu vực Bắc Champa và tồn tại trong một thời gian dài từ thế kỷ IX đến thế kỷ XI. Ngoài các di tích quan trọng trên, liên quan đến Phật giáo Champa ở khu vực này, còn có di tích Lòi Giàng, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Nội dung bi ký được tìm thấy tại di tích này đề cập đến một tu viện Phật giáo tên là Dram (Dramvihara), niên đại khoảng nửa đầu và giữa thế kỷ IX [A. Griffiths, 2012: 75].

Ở Quảng Trị, di tích đền tháp Hà Trung thuộc Gio Châu, Gio Linh cũng có liên quan Phật giáo: “... đối chiếu với ngôi đền Devalingesvara xây năm 830 saka - nơi có thờ Avalokitesvara (Bồ Tát Quan Thế Âm) để vinh danh bà ngoại của Tribhuvanadevi, hoàng hậu của vua Jaya Simhavarman I ở Nhan Biều (Triệu Thượng, Triệu Phong, Quảng Trị) thì ngôi đền Indrakantesvara do chính Hoàng hậu Tribhuvanadevi mộ đạo cúng dường xây năm 838, chỉ tám năm sau đó, ở Hà Trung, chúng ta có quyền nghi ngờ rằng không thể thiếu yếu

tổ Phật giáo trong ngôi đền này. Liệu đền Indrakantesvara có liên quan gì đến Indra/Ân Đà La/Đế Thích Thiên (trong Phật giáo Thiên tông)? Mặt khác, các nhà nghiên cứu cũng đã chỉ ra các chi tiết kiến trúc trang trí trong khu đền tháp Hà Trung thuộc phong cách nghệ thuật Đông Dương - thời kỳ mà Phật giáo phát triển mạnh mẽ ở vương quốc nhờ vào vua Indravarman là người sùng đạo Phật - cũng cho thấy nhiều khả năng ngôi đền mang nhiều yếu tố Phật giáo” [Lê Đức Thọ, 2023: 108-120]. Tuy nhiên, trong bi ký Hà Trung (C.113) được làm vào năm 916 lại đề cập đến ngôi đền thờ phụng thần Siva hơn là đền thờ Phật giáo [Lê Đức Thọ, 2023: 108-120].

### ***1.2. Những dấu tích ở Phật viện Đông Dương, Quảng Nam***

Nói đến Phật giáo Champa trong lịch sử thì không thể bỏ qua Phật viện Đông Dương, đây được coi là biểu tượng của Phật giáo Champa và là trung tâm Phật giáo quan trọng nhất của Đông Nam Á vào cuối thế kỷ IX đến đầu thế kỷ X. Khu di tích Đông Dương được xây dựng trên vùng đất bán sơn địa của thôn Đông Dương, xã Bình Định Bắc, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

Nội dung *bi ký Đông Dương I* cho biết, khu vực này vốn là thành phố Indrapura của vương quốc Champa và năm 875 vua Indravarman II cho xây dựng tại đây một tu viện Phật giáo: “Để tôn vinh đạo pháp, (tôi) đã lập một tu viện, được miễn mọi thuế nhà vua, để cho mọi công xã tăng nhân được hưởng lợi” [trích bản dịch văn bia Đông Dương I]. Nội dung bi ký này đã hé mở về mối liên với Indrapura: “Thành phố rực ánh hào quang của thành phố Indra... sáng lên hoa sen trắng, tô điểm bằng những bông sen đẹp nhất, do Bhrgu lập nên từ xa xưa,... gọi tên là Campa giữ ở đây phẩm hạnh vô địch của mình” [trích bản dịch văn bia Đông Dương I]. Phật viện Đông Dương được H.Parmentier khai quật lần đầu năm 1902, và ông đã tìm thấy khu kiến trúc chính của Phật viện cùng với nhiều tác phẩm điêu khắc quý giá. Theo khảo tả của H.Parmentier, toàn bộ khu đền thờ chính và các tháp nằm lân cận phân bố trên một trục từ Tây sang Đông, dài khoảng 1.300m. Parmentier đã phân định được ba tổ hợp chính trong Phật viện (khu đền thờ chính) và đánh ký hiệu thành các khu I, II, và III. Khu I (phía Tây) là một đại mạn-đà-la (Mahāmandala), khu II (khu giữa) là Tiền sảnh (Mandapa) và

khu III (khu phía Đông) là giảng đường lớn nơi hội họp đại chúng và thuyết pháp (Vihāra). Cả ba khu I, II, III nằm trong một mặt bằng hình chữ nhật, dài 326m, rộng 155m, chung quanh có tường gạch bao bọc. Ba nhóm kiến trúc kéo dài theo trục Đông – Tây và được phân cách nhau bởi những bức tường xây bằng gạch. Từ khu đền thờ chính có một con đường dài khoảng 760m, chạy về phía Đông đến một thung lũng hình chữ nhật, nơi có dấu tích Ao Vương. Trên trục đường này có dựng một cột Đà-la-ni (dhāraṇī) bằng gạch, gọi là cột Xuân Sơn.

*Khu vực I (nhóm phía Tây):* gồm các đền thờ chính và các tháp phụ chung quanh. Các đền tháp ở khu vực này thuộc loại kiến trúc tháp truyền thống của Champa với mặt bằng hình tứ giác, cửa ra, vào ở hướng Đông, phía trước có tiền sảnh khá dài, quanh các mặt tường có trụ ốp tường được chạm những dải hoa văn cành lá cách điệu rậm rịt và xoắn xít như dạng vết sâu bò, đó là loại hoa văn đặc trưng của phong cách Đồng Dương. Quanh chân tháp trang trí những hình đầu voi và những hình tháp thu nhỏ nằm xen kẽ nhau. Trong đền thờ có một bệ thờ lớn bằng sa thạch, chạm trổ những dải hoa văn hình vết sâu bò, những cảnh sinh hoạt trong cung đình, một số cảnh trích đoạn về cuộc đời Đức Phật Thích Ca. Những đường nét trên các tượng người ở Đồng Dương được thể hiện cường điệu quá mức: tượng đàn ông có gương mặt gần như vuông, trán thấp, cung lông mày to rậm và giao nhau, mũi to, miệng rộng, môi dày, ria mép rậm; tượng phụ nữ có gương mặt hơi thô và bộ ngực lớn. Trên khu vực này có nhiều tháp, như:

Tháp chính (kalan) thuộc loại giản lược, kích thước lớn hơn và có mặt bằng hơi đặc biệt gần như hình chữ thập do bên trong có những khám và một phần sau rất rộng có cửa giả ở bên ngoài.

Tháp Nam có mặt bằng nội thất là một hình vuông hơi dài theo hướng Đông - Tây,...

Tháp Bắc và tháp Tây Nam thiết kế nội thất khu thờ tự có mặt bằng gần theo hình chữ nhật...

Tháp Tây - Bắc thiết kế nội thất có mặt bằng hình vuông nhưng khá nhỏ

Tháp Trung tâm là ngọn tháp bốn cửa thuộc loại cổ điển, với ba cửa hướng Đông - Tây - Nam có bậc cấp, cửa phía Bắc không có bậc cấp. Nội thất điện thờ có mặt bằng hình vuông...

Ngoài những kiến trúc chính trên, khu vực I còn chứa nhiều tòa tháp và các công trình phụ trợ khác, như:

Tháp Bắc - Tây Bắc chỉ còn tầng nền với cửa mở về hướng Đông.

Có bảy dấu tích tháp thờ nhỏ trong các góc tường, với một mặt tựa lưng vào tường. Có khả năng đây là miếu thờ các vị thần phương hướng (Dikpala còn được gọi là Lokapala là những vị thần hộ mệnh không gian pala trong vũ trụ luận Hindu. Những vị thần này thường được tôn trí trong các đền miếu ở Ấn Độ và sau đó cũng thể hiện trong các đền tháp Champa). Nếu đúng vậy thì nguyên gốc phải có tám tháp thờ nhỏ.

Tháp Nam - Tây Nam là loại tháp bốn cửa nhưng chỉ còn lại phần nền và phần chân. Tháp Bắc có bốn cửa với khung bằng đá nhưng không có ngưỡng và cối cửa.

Tòa nhà Nam gồm hai gian thông nhau, mỗi gian có một cửa có khung bằng đá, chỉ còn lại phần nền và một vài lớp ở chân nền,...

Nhà Bắc gồm một gian nhỏ hình chữ nhật, trở cửa sổ có hai hàng gạch ở mặt Đông.

Ngoài những kiến trúc chính, khu I còn có hệ thống tường xây bao quanh có khắc trang trí phía trong cùng hệ thống trụ tường, thêm cửa.

*Khu vực II (nhóm giữa):* chỉ còn lại dấu vết các chân tường, các bậc thềm của một ngôi nhà dài theo trục Đông - Tây. Ngôi nhà này được lợp ngói và có tường gạch, cửa ra vào ở hai đầu hồi, trên hai vách tường có nhiều cửa sổ. Ở đây có bốn pho tượng Hộ pháp (Dvarapala-Hộ pháp Dvarapala hiện còn lưu giữ tại chùa chùa Nhạn Sơn, thôn Nhạn Tháp, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định) khá lớn, cao khoảng 2m và được các nhà nghiên cứu nhận định là những tác phẩm gây ấn tượng mạnh trong nghệ thuật điêu khắc Champa.

*Khu vực III (nhóm phía Đông):* chỉ còn lại dấu vết nền móng của khu nhà dài mà các nhà nghiên cứu cho là tu viện Phật giáo (vihara). Ngôi nhà dài này có mặt bằng hình chữ nhật với hai hàng cột song song theo trục Đông - Tây, mỗi hàng có tám cột xây bằng gạch, mái nhà có bộ khung gỗ và lợp ngói. Trong khu vực này có một bệ thờ lớn bằng sa thạch, được chạm trổ nhiều hình người và hoa văn rất tinh tế.

Phía trên bệ thờ là một pho tượng Phật Thích Ca rất lớn, ngồi trên ghế, hai bàn tay để trên đầu gối, hai chân buông thõng xuống. Tượng Phật khoác áo choàng phủ bên vai trái buông xuống cổ tay,... Trong khu vực này còn tìm thấy một số tượng Hộ pháp (Dvarapala) ở trên những bệ đá cạnh hai hàng cột gạch.

## **2. Di vật Phật giáo Champa**

### **2.1. Tượng Phật giáo Champa**

Số lượng tượng Phật giáo Champa đã được phát hiện rải rác từ Quảng Bình tới tận Ninh Thuận ngày nay, bao gồm tượng Phật và tượng Bồ Tát. Đa phần các pho tượng này hiện đều nằm trong các bảo tàng trong nước và quốc tế. Trong đó, có nhiều pho tượng đã được ghi trong danh mục Bảo vật quốc gia của Việt Nam.

Tại di chỉ Đại Hữu, tỉnh Quảng Bình, từ những năm đầu thế kỷ XX, các nhà nghiên cứu đã phát hiện ra hai tượng đá thể hiện hình ảnh Bồ Tát Prajraparamita (Bát nhã Ba la mật đa), hai tượng Loketsvara hay Alokitesvar (Bồ Tát Quán Thế Âm) đúc bằng đồng thau, một tượng Phật đứng bằng đồng cao 0,445m; một tượng nhỏ bằng đồng mạ vàng tinh xảo cao 0,122m thể hiện hình tượng Bồ Tát Quán Thế Âm. Một tượng đồng Avalokitesvara (Bồ Tát Quán Thế Âm) cao 52cm, trong tư thế đứng, ngực nở, eo thon, mang nhiều trang sức ở tai, cổ, bắp tay, cổ tay, cổ chân,... khuôn mặt đầy đặn, đôi mắt mở, tóc búi cao, đầu đội vương miện có chạm hình tượng Phật A Di Đà ngồi. Tượng có bốn tay, hai tay sau hơi cong vào, một tay cầm quyển sách, hai tay trước đưa ra cầm nụ sen và bình nước cam lồ.

Tại di chỉ Mỹ Đức tỉnh Quảng Bình, các học giả cũng đã phát hiện được một tượng đá Prajraparamita (Bồ Tát Bát nhã Ba la mật đa), hai tượng đá Lokesvara, (một tượng nam, một tượng nữ), một tượng bán thân Padmapani (Bồ Tát Liên Hoa), hai tượng Phật bằng đồng thau ngồi và một tượng Maitreya (Phật Di Lặc) nhỏ bằng đồng, một mảnh trang trí hình sư tử bằng đồng [J. Boisselier, 1963: 136-137].

Cũng ở Quảng Bình, theo Nguyễn Văn Quảng và Đinh Văn Viễn, năm 1901, L.Finot cho biết đã tìm thấy ở Phong Nha 35 tượng Phật giáo Đại Thừa bằng đất nung đều có dạng gần tròn, kích thước nhỏ

(0.05 - 0.10m), thể hiện năm chủ đề: Đức Phật ngồi trên đài sen, hình tháp có đỉnh hình các ô lõng, Bồ Tát Avalokitesvara, Bồ tát Pamapani, người ngồi trên đài sen [Nguyễn Văn Quảng – Đinh Văn Viễn, 2019].

Ngoài ra, ở Quảng Bình vào đầu thế kỷ XX, các nhà nghiên cứu người Pháp còn phát hiện tại làng Quảng Khê (nay thuộc xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch) một thân tượng Phật được làm bằng sa thạch, cùng với một vài mảnh tượng vụn nát thuộc các niên đại khác nhau, trong đó có một đầu tượng Bồ Tát (Bodhisattva). Nhưng do thân tượng Phật Quảng Khê, mất phần đầu và phần dưới thắt lưng trở xuống nên không có nhiều thông tin về tiểu tượng học. Tuy nhiên, dựa vào những gì còn lại thì, đây là thân một pho tượng Phật có hai vai che kín, y phục xếp thành nếp, có mối liên hệ đến truyền thống những bức tượng Gupta đầu tiên, niên đại tương đối nằm giữa thế kỷ IV và thế kỷ VI. Niên đại này cho thấy đây là bằng chứng sớm nhất về dấu ấn Phật giáo Champa ở Quảng Bình [Nguyễn Văn Quảng - Đinh Văn Viễn, 2019].

Thân tượng Phật Quảng Khê được người Pháp phát hiện tại làng Quảng Khê vào đầu thế kỷ XX (nay thuộc xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch) cùng với một vài mảnh tượng vụn nát thuộc nhiều niên đại khác nhau, trong đó có một đầu tượng Bồ Tát (Bodhisattva). Thân tượng Phật Quảng Khê được làm bằng sa thạch, mất phần đầu và phần dưới thắt lưng trở xuống, do đó không có nhiều thông tin về tiểu tượng học. Tuy nhiên, dựa vào những gì còn lại thì nhận thấy rằng, đây là thân một pho tượng Phật nằm trong nhóm các tượng Phật có hai vai che kín, y phục xếp thành nếp, có mối liên hệ đến truyền thống những bức tượng Gupta đầu tiên. Theo J. Boisselier, tính chất độc đáo của thân tượng Phật ở Quảng Khê dường như nằm trong cách gắn hào quang, khác với cách gắn đối với các tượng khác và được đánh dấu bởi những chỗ hở ở mức độ các xương bả vai, tương tự như bức tượng lớn ở Bukit Seguntang, Sumatra, Indonesia, thuộc truyền thống nghệ thuật Dvaravati [J. Boisselier, 1963: 135]. Thân tượng Phật Quảng Khê được xác định có niên đại khoảng giữa thế kỷ IV và thế kỷ VI, thuộc nhóm các tượng Phật có hai vai che kín.

*Bộ tượng đồng ở Kê Nại* được Lemire sưu tầm tại Kê Nại, nay có thể là làng Diêm Điền, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Bộ sưu tập này gồm nhiều tượng nhỏ bằng đồng. Trong đó đáng chú ý là tượng Avalokitesvara (Bồ Tát Quán Thế Âm) làm bằng chất liệu đồng khá tinh xảo và một pho tượng Padmapani (Bồ Tát Liên Hoa) và được xác định làm vào khoảng thế kỷ IX – X [J. Boisselier, 1963].

Tuy có số lượng di tích đền tháp khá lớn (khoảng 30 di tích) ở tỉnh Quảng Trị, nhưng di vật liên quan đến Phật giáo không nhiều như Quảng Bình. Đáng chú ý là pho tượng Lokeshvara hiện được bảo quản tại Bảo tàng điêu khắc Chăm Đà Nẵng. Pho tượng cho thấy ảnh hưởng nghệ thuật điêu khắc Khmer có niên đại cuối thế kỷ XII-XIII. Điểm nổi bật là pho tượng Bồ Tát này được làm ở dạng thân nam (Lokeshvara), đầu đội mũ Kirita, trên mũ có Phật A Di Đà trong tư thế ngồi. Trước đây, H. Parmentier đã viết: “Ở phía tây đường cái đi từ huyện sở Do Linh lên tòa Công sứ 2km, có một ngôi chùa nhỏ, song các dãy nhà phụ lại chiếm một diện tích rộng. Trong chùa chứa đựng nhiều phế liệu Chăm khá lý thú cùng với những hiện vật An Nam cổ” [H. Parmentier, 1918: 534]. Ngôi chùa mà H. Parmentier nói tới chính là chùa Bảo Đông hay còn gọi là chùa Đông Trì của người Việt đã xây dựng trên nền cũ của một ngôi đền Indrakantesvara của người Chăm. Các phế liệu mà H. Parmentier đề cập chính là một bộ phận của kiến trúc của khu đền tháp Champa được người Việt sử dụng lại. Rất tiếc là di vật bị hư hao nhiều, nhưng phần nào đã minh chứng quá trình chuyển hóa từ đền sang chùa Phật giáo mang yếu tố Champa. Chùa Đông Trì như thêm một minh chứng. Chùa Đông Trì và xung quanh chùa đã được H. Parmentier khảo sát cho rằng đây là: “... địa điểm của một kiến trúc Chăm quan trọng”. Vì chùa Đông Trì có “... dấu vết những bức tường của một tháp trung tâm” và “phía sau ngôi chùa hiện thời, trong khu rừng nhỏ bao quanh đền, gần góc Đông Nam còn tìm được những mảnh gạch vỡ và một công trình xây bằng gạch còn tồn tại của một kalan khác”. “Phía trước của quần thể này, ở cách 800m về hướng đông, lệch 200 về hướng bắc là một gò đất bị cách ly giữa ruộng lúa. Người ta còn thấy ở đó hai mảnh của một tấm đá lớn như là

những di tích cuối cùng của một tháp khác" [H. Parmentier, 1918: 525],... Phải kể đến các chùa như: Thiên Bảo Tự làng Trung Đơn; chùa Câu Hoan, xã Hải Định, huyện Hải Lăng; chùa Diên Thọ, làng Diên Sanh, huyện Hải Lăng; chùa Phật Lôi làng Nhan Biều, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong,... tuy không còn lưu giữ được các di vật như tượng Phật, Bồ Tát thuộc Phật giáo Champa, nhưng về bia ký liên quan đến Phật giáo Champa thì Quảng Trị có thể từng là một khu vực Phật giáo phát triển trong lịch sử vương quốc Champa cổ.

Ở Thừa Thiên Huế, với gần 20 di tích đền tháp, nhưng di vật liên quan đến Phật giáo Champa chỉ còn tượng Avalokitesvara Thủy Cam (?) bằng đồng, thể hiện dáng đứng trên bệ sen hai tầng, đầu đội mũ miện; tượng có bốn tay nhưng đã bị mất một tay, niên đại cuối thế kỷ IX đầu thế kỷ X. Pho tượng Avalokitesvara này được các học giả người Pháp sưu tầm được ở phía Bắc Huế nhưng không xác định địa danh cụ thể trên thực địa hiện nay, và pho tượng này cũng không rõ đang được lưu giữ ở đâu. Pho tượng Avalokitesvara ở Sơn Tùng, xã Phong Hiền, huyện Phong Điền chỉ còn phần đầu được làm bằng sa thạch, cao 19cm, niên đại khoảng thế kỷ IX-X, được trưng bày tại Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao thành phố Huế. Pho Tượng Avalokitesvara Thanh Phước thờ trong miếu Bà, thôn Thanh Phước, xã Hương Phong, Thị xã Hương Trà, cao 35,5cm, rộng 6,5cm, dày 6,5cm, bằng sa thạch đứng trên một bệ vuông, niên đại cuối thế kỷ IX đầu thế kỷ X. Nhìn chung, các pho tượng này mang phong cách nghệ thuật Đồng Dương [Nguyễn Văn Quảng, 2021: 33-43].

Nói đến hệ thống tượng Phật của vương quốc Champa xưa thì không thể không nhắc đến những pho tượng được phát hiện tại Phật viện Đồng Dương, tỉnh Quảng Nam. Tại đây, các nhà nghiên cứu đã phát hiện được cả tượng Phật Thích Ca Mâu Ni (Sakyamouni), tượng Avalokitesvara, tượng Arhant (La Hán). Trong số đó, pho tượng Phật Thích Ca Mâu Ni bằng đồng hiện được coi là pho tượng Phật Champa lớn nhất hiện nay mà chúng tôi biết.

Pho tượng được phát hiện đầu tiên ở Đồng Dương là pho tượng Phật thế ngồi trên một bệ, chân buông thẳng, hai bàn tay đặt trên hai đầu gối, mặc một chiếc áo dài rộng, có những nếp gấp bằng và song

song; trên vai trái có thêm một vật nhỏ. Tượng đã bị mất đầu, chiều cao hiện đo được là 1,54m. Đây là pho tượng duy nhất trong nghệ thuật Champa thể hiện Phật ngồi theo kiểu Ấn -Âu. Ngô Văn Doanh cho rằng, đằng sau pho tượng, chắc phải có một “vòng hào quang” trên cơ sở nhiều mảnh vỡ đã được tìm thấy; đồng thời căn cứ vào bệ sen đỡ dưới chân Phật mà ông cho rằng đây là tượng Di Lặc (Maitreya) [Ngô Văn Doanh, 2015: 46-48].

Pho tượng Thích Ca Mâu Ni, còn được gọi là tượng Phật Đồng Dương bằng đồng, được phát hiện năm 1911, có trọng lượng 120 kg, cao 1,08m (chưa kể bệ thờ), dày 0,38m, rộng 0,38m. Tượng được tạc ở tư thế đứng như đang thuyết pháp, trên trán có dấu Urna (huệ nhãn), trang phục là áo cà sa, để hở vai bên phải; đôi chân đứng trên bệ thờ hai tầng có tạc hình các cánh sen bao quanh. Pho tượng hiện được trưng bày ở Bảo tàng lịch sử Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và đã được ghi vào danh mục bảo vật Quốc gia.

Cũng tại Đồng Dương, năm 1978 đã phát hiện một pho tượng Bồ Tát bằng đồng và hiện được trưng bày tại Bảo tàng điêu khắc Chăm Đà Nẵng. Tượng cao 1,15m, được khắc họa trong tư thế đứng thẳng vừa trang nghiêm vừa mỹ miều, thân hình cân đối với bộ ngực căng đầy để trần. Trang phục là một loại sà-rông hai lớp kéo dài từ eo xuống phía dưới với những đường xếp sắc sảo, mềm mại; đầu đội một chiếc mũ Jatamukuta cổ điển bọc lấy bộ tóc quấn cao ở bên trong. Phía trước mũ có hình Phật A Di Đà. Điều đặc biệt là danh xưng của pho tượng đến nay vẫn còn nhiều ý kiến tranh cãi chưa thống nhất. Gần đây, Trần Kỳ Phương trên cơ sở tổng hợp ý kiến nghiên cứu của các học giả đi trước đã phân tích, định danh lại cho pho tượng là Bồ Tát Tara [Trần Kỳ Phương, Nguyễn Thị Tú Anh, 2020],...

Ngoài ra, tại di tích Đồng Dương còn phát hiện được nhiều tượng Hộ pháp, các vị thần phương hướng là những tượng Lokapala độc đáo nhất của nghệ thuật Phật giáo Champa nói riêng và của cả khu vực Đông Nam Á nói chung [Ngô Văn Doanh, 2012: 54 – 62].

Tại Bình Định, hiện cũng đã thống kê được một số tượng Phật giáo Champa với niên đại trải dài từ thế kỷ VIII, IX đến thế kỷ XII, XIII. Có thể kể ra đây một số pho tiêu biểu như:

Pho tượng Avalokitesvara bằng đồng được phát hiện tại Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, hiện trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (số đăng ký: BTLS.1290), niên đại thế kỷ VIII, IX. Tượng cao 64cm, có cùng phong cách thể hiện như tượng Avalokitesvara ở di chỉ Đại Hữu, tỉnh Quảng Bình và đã được ghi vào danh mục bảo vật quốc gia năm 2013 [Bảo tàng lịch sử thành phố Hồ Chí Minh, Avalokitesvara, 2024].

Pho tượng Pandaravasi (Bồ Tát Bạch Y Quán Thế Âm) vốn được Linh mục Salomez, người Pháp phát hiện tại làng Xuân Mỹ, nay thuộc xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định và chuyển về Bảo tàng Điêu khắc Chăm Đà Nẵng từ năm 1918. Đây là một ngẫu tượng chế tác theo kỹ thuật tượng tròn và từng được thờ trong một ngôi đền. Nữ thần được thể hiện tư thế ngồi kim cương tọa (vajrāsana) trên một ngai hình vuông có chạm nổi phần trên của một con linh điểu dang rộng hai cánh. Jean Boisselier trong công trình nghiên cứu *La statuaire du Champa, recherche sur cultes et L'Iconographie (Tượng Champa, nghiên cứu về giáo phái và tiểu tượng học)* xác định niên đại pho tượng Xuân Mỹ vào thế kỷ XII-XIII [Trần Kỳ Phương, Nguyễn Thị Tú Anh, 2022: 26-44].

Những năm gần đây, một số tượng Bồ Tát, tượng Phật được phát hiện và được bảo quản ở một số ngôi chùa. Chẳng hạn như ở chùa Giác Hoàng, huyện An Nhơn đang lưu giữ một bức phù điêu lá đề tạc hình Bồ Tát ngồi bán già, niên đại thế kỷ XII – XIV; chùa Hàm Long ở thị trấn Tuy Phước lưu giữ một cột đá hình rắn xòe tán che Đức Phật, niên đại khoảng thế kỷ XII; chùa Phước Sa ở thành phố Quy Nhơn còn lưu giữ hai pho tượng bằng đồng, một pho là tượng Bồ Tát Quán Thế Âm có niên đại các thế kỷ IX – X. Tại Bảo tàng Tổng hợp Bình Định hiện đang lưu giữ sáu tiêu bản điêu khắc Phật giáo Champa bao gồm một tượng đất nung và năm phù điêu sa thạch, nhưng sáu tiêu bản này có kích thước nhỏ. Như vậy, những di vật Phật giáo Champa góp phần minh chứng Phật giáo có ảnh hưởng lớn đến đời sống tinh thần cộng đồng người dân Champa trong lịch sử.

Tại Bảo tàng Phú Yên hiện vẫn còn trưng bày một số phù điêu tượng Phật giáo bằng đất nung có niên đại khá sớm. Tiêu biểu trong số đó phải kể đến những phù điêu đất nung chạm hình đức Phật được

phát hiện tại núi Mò O, nay thuộc thôn Sơn Thọ, xã Hòa Kiến, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, niên đại thế kỷ VI-VII. Với mốc niên đại này có thể thấy Phật giáo đã có mặt ở mảnh đất Phú Yên (xứ Ayaru của vương quốc Champa) khá sớm.

Tại Bình Thuận, năm 2001, đã phát hiện ở thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình một pho tượng Bồ Tát Quán Thế Âm (Avalokitesvara) bằng sa thạch và hiện được lưu giữ tại Bảo tàng Bình Thuận. Tượng có niên đại vào thế kỷ thứ IX, được mô tả đứng trên bệ có vòng cung phía sau. Pho tượng được tạo hình với sự cân xứng về hình thái cơ thể học. Phần đầu của tượng với búi tóc cao, trên đầu là chiếc mũ hình tháp nhiều tầng, mặt trước chạm nổi một tượng Phật A Di Đà ngồi tọa thiền. Khuôn mặt hiền dịu, phù hợp với thân mình thon thả, thanh thoát và ngực để trần. Tượng có bốn cánh tay: tay phải trên cầm chuỗi hạt, tay trái trên cầm cuốn sách. Hai tay dưới đưa ra phía trước, tay trái cầm bình nước Cam lồ, bàn tay trái đã bị gãy,...[Nguyễn Xuân Lý, 2023].

Như vậy, chỉ tính riêng về tượng, đã cho thấy sự đa dạng về loại hình, kích thước, chất liệu, niên đại và địa bàn phân bố. Niên đại tượng Phật giáo Champa có từ thế kỷ VI, VII đến thế kỷ XII, XIII với địa bàn phân bố trải khắp vương quốc Champa cổ xưa, từ Quảng Bình ở cực Bắc đến Bình Thuận ở cực Nam và tập trung nhiều hơn cả ở khu vực Quảng Nam. Nhiều pho tượng được đánh giá là kiệt tác, nổi bật ở cả khu vực Đông Nam Á và được ghi vào danh mục bảo vật Quốc gia.

## **2.2. Bi ký Phật giáo Champa**

Về cơ bản, nếu như bi ký ở miền Bắc Việt Nam chịu ảnh hưởng văn hóa Hán, nên phần lớn được viết bằng chữ Hán Nôm, thì bi ký ở Champa chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ nên bi ký được viết bằng chữ Phạn (Sanskrit). Theo thống kê trước đây, với 128 bi ký được tìm thấy thì có đến 92 bi ký liên quan đến Shiva, năm bi ký đề cập đến Brahma; ba bi ký đề cập đến Visnu, bảy bi ký Phật giáo và còn 21 bi ký được chưa xác định rõ [Phan Xuân Biên, 1991: 278]. Theo khảo cứu Nguyễn Hữu Mạnh và Mai Bùi Diệu Linh thì hiện nay có đến 14 bi ký Phật giáo Champa [Nguyễn Hữu Mạnh, Mai Bùi Diệu Linh, 2019: 710-711]. Tuy nhiên, có thể số lượng bi ký Phật giáo Champa sẽ lớn hơn, bởi có một số bi ký đã được phát hiện nhưng chưa được nhóm tác giả đề cập và chắc chắn còn một số bi ký chưa được phát hiện.

**Bảng: Các bi ký Phật giáo Champa ở miền Trung Việt Nam**

STT	Số định danh	Tên bi ký	Yếu tố Phật giáo	Niên đại	Người bảo trợ	Tỉnh
1	C.23	Bakul	Jina	829	Samanta, Sthavira Buddhanirvāṇa	Ninh Thuận
2	C.66	Đồng Duồng	Lakṣmīdra- Lokeśvara, Lokeś, Avalokiteśvara, Dharma, Nirvāṇa	875	Indravarman II	Quảng Nam
3	C.138	An Thái	Pramuditalokeśvara, Avalokiteśva, Lokeśvara, Lokanātha	902	Bhadravarman II Indravarman II	Quảng Nam
4	C.149	Nhan Biều	Avalokiteśvara	911	Po Klun Pilih Rajadvara, Sukrti Po Klu Dharmapatha	Quảng Trị
5	C.167	Kon Klor	Mahindralokeśvara	916/917	Mahindravarman	Kom Tum
6	C.38E	Po Nagar	Buddhist philosophy	918		Khánh Hòa
7	C.171	Đại Hữu	Ratnalokeśvara	898- 903	Jaya Simhavarman I	Quảng Bình
8	C.89	Mỹ Sơn	Indralokeśvara, Paramabodhisatva	1088		Quảng Nam
9	C.100	Mỹ Sơn	Buddha	1157	Jaya Harivarman I	Quảng Nam
10	C.92	Mỹ Sơn	Buddha Lokeśvara, Jaya Indralokeśvara, Buddhaloka Buddhist Mahāyāna philosophy	1170	Jaya Indravarman	Quảng Nam
11	C.55	Kim Ngọc	Buddha	1275/1 276	Vua của gia đình Ksatriya	Bình Định
12	C.134	Khánh Thọ Đống	Ye dharma			Quảng Nam
13	C.150	Ròn	Avalokiteśvara		Một vị vua (tên đã mất)	Quảng Bình
14	C.52	Kim Châu	Lingalokeśvara, Jinalokeśvara		Jaya Parameśvaravarm an II	Bình Định

[Nguyễn Hữu Mạnh, Mai Bùi Diệu Linh, 2019: 718]

Về mật độ phân bố, các bi ký Phật giáo được phát hiện đã cho thấy dấu ấn Phật giáo hiện diện hầu khắp lãnh thổ Champa trong lịch sử, tiêu biểu như: bia Võ Cảnh (Khánh Hòa), bia An Thái (Quảng Nam), bia Đại Hữu, bia Ròn (Quảng Bình), bia Phú Quý và bia Bakul (Phan Rang), bia Nhan Biều (Quảng Trị), bia Đồng Dương (Quảng Nam). Trong số những bi ký Phật giáo Champa được phát hiện thì bi ký Võ Cảnh có niên đại sớm nhất (cuối thế kỷ II, III), theo đó có thể Phật giáo đã hiện diện ở Champa sớm hơn.

Tại Quảng Bình hiện tìm được một số minh văn khắc trên đá có những thông tin liên quan đến Phật giáo Champa. Với di chỉ Đại Hữu, các nhà nghiên cứu đã tìm được một mảnh bia (không rõ niên đại) nói về việc thành lập đền Ratna - Lokesvara, thờ thần Lokesvara jaya – Sinhavarman. Ngoài ra, tại địa điểm Ròn cũng đã phát hiện được một tấm bia (bia Ròn, còn gọi là bia Bắc Hạ), niên đại khoảng thế kỷ IX hoặc X nói về việc cúng tiến cho một tự viện: “Tôn kính thần Sri Damaresvara. Những cánh đồng Til - vit, Par, Tradvad... - tất cả những khu đất này là do vị vua hùng mạnh Sri... dâng cúng cho tu viện...” [Quảng Văn Sơn, 2014: 46-57].

Tại Quảng Trị, nhà nghiên cứu người Pháp M. Huber khi khảo sát về phế tích đền tháp Champa tại Nhan Biều, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong đã cho biết tại đây từng tồn tại một trụ đá hình khối lập phương (nay đã không còn) chạm khắc văn tự cả bốn mặt với ba mặt trước là chữ Sanskrit và mặt sau là chữ Chăm cổ. Trong bi ký này có một đoạn đề cập đến một viên chức tên là Po Klunn Pilih Rajadvara và con trai của ông Sankriti Po Klunn Dharmapatha đã dâng cúng để xây dựng một tu viện Phật giáo được dựng lên, thờ Avalokitesvara (Bồ Tát Quán Thế Âm) và để vinh danh bà ngoại của Tribhuvanadevi, hoàng hậu của vua Jaya Simhavarman I vào năm 911 (năm 833 saka)” [Lê Đức Thọ, 2023].

Tại Quảng Nam, tấm bia quan trọng nhất liên quan đến Phật giáo Champa phải kể đến là bi ký Đồng Dương. Nội dung ghi lại lời nói của vị vua sáng lập ra Phật viện Đồng Dương như sau: “Do lòng tin vào Phật Giáo, nhà vua đã cho dựng lên một Phật viện (Vihara) và đền thờ Laksmindra Lokesvara Svabhayada... Mọi thành quả của ông tạo được ngày hôm nay không phải do sự kế thừa nào cả, mà do phước đức của ông tạo được nhiều đời nhiều kiếp tụ tập mới kiến tạo nên....”

[Finot L,1901:12- 26]. Cũng tại Quảng Nam, tấm bia An Thái niên đại 902, có đoạn ca ngợi Avalokitesvara (Bồ Tát Quán Thế Âm) xuất hiện như một đấng đại từ bi cho phép tất cả người phạm tội thoát khỏi địa ngục để Vajrapani đưa họ đến với Phật [Quảng Văn Sơn, 2014: 46-57]. Bia An Thái là minh văn Champa duy nhất cung cấp thông tin về pháp hành/nghi quỹ (sadhanas) của Phật giáo Champa đương thời...[Quảng Văn Sơn, 2014: 46-57].

Như vậy, tư liệu bi ký Champa xưa cũng cung cấp những bằng chứng cho thấy Phật giáo đã có mặt từ khá sớm ở vương quốc Champa cổ. Tấm bia có niên đại sớm nhất là bia Võ Cảnh ở Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa và tấm bia nằm xa nhất về cực Bắc Champa là bia Ròn ở Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình: “Những sử liệu nêu trên cho thấy, Phật giáo có vai trò quan trọng trong đời sống chính trị xã hội của vương quốc Champa lúc bấy giờ... Bên cạnh đó, nội dung bia ký còn phản ánh việc Phật giáo và Bàlamôn giáo được tôn sùng như nhau nhằm củng cố quyền lực của nhà vua. Điều này thể hiện năng lực tiếp nhận của văn hóa Champa, cũng như sự dung hợp tôn giáo” [Quảng Văn Sơn, 2014: 46-57].

### **3. Nhận xét và đánh giá**

Phật giáo đã có mặt ở vùng đất Champa từ khá sớm, và cùng với Bàlamôn giáo là hai tôn giáo chính thống trong đời sống xã hội Champa trong lịch sử. Đỉnh cao của Phật giáo Champa là vào cuối thế kỷ IX, đầu thế kỷ X, tương ứng với thời đại vương triều Indrapura. So với những hiện vật thuộc Bàlamôn giáo, thì hiện vật Phật giáo Champa chiếm số lượng ít hơn, nhưng có một khoảng niên đại khá dài từ thế kỷ II, III đến thế kỷ XII, XIII và được phân bố ở cả vùng Bắc và Nam Champa. Những ghi chép trên nhiều bi ký, những pho tượng Phật bằng đá, bằng đồng hiện còn, cùng với cụm di chỉ đồ sộ của Phật viện Đồng Dương, cho thấy Phật giáo Champa đã từng được sự ủng hộ mạnh mẽ của vương triều, của những bậc vua chúa trị vương quốc Champa trước đây.

Trong số những di chỉ kiến trúc Phật giáo Champa hiện biết, giá trị nhất là Phật viện Đồng Dương. Theo những nghiên cứu hiện nay, Phật viện Đồng Dương tồn tại không dài nhưng là một Phật viện có quy mô lớn và một thời được coi là biểu tượng của Phật giáo Champa trong lịch sử. Phật viện Đồng Dương cũng đã được Chính phủ xếp hạng di tích

quốc gia đặc biệt. Khu di tích Đồng Dương là một cụm quần thể được xây dựng có quy mô lớn với nhiều công trình kiến trúc, có chức năng khác nhau, cùng nhiều hiện vật điêu khắc có giá trị, cung cấp nguồn tư liệu tin cậy tìm về lịch sử văn hóa Phật giáo Champa. Các phát hiện và nghiên cứu cho thấy giá trị lịch sử khu di tích giữ một vai trò quan trọng trong tiến trình lịch sử Champa. Những nét lớn về kiến trúc và tác tượng của di tích Đồng Dương cho thấy một giai đoạn phát triển của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc Champa đặc sắc mà các nhà nghiên cứu đã gọi là phong cách nghệ thuật Đồng Dương. Khi tìm hiểu về nghệ thuật Đồng Dương, J. Boisselies đã nhận định đây là: “một trong những phong cách rõ rệt nhất của nền nghệ thuật tác tượng Chăm... Các khuôn mặt của phong cách Đồng Dương đều rộng với một cằm rất ngắn. Trán hẹp và dẹt, thường bị hạn chế bởi hai búi tóc kéo gần tới chỗ gặp nhau của đôi hàng lông mày được chỉ ra bằng một đường kẻ liên tục quanh co và rất nổi, chạy tới tận hai thái dương. Mắt dài và có khóe hơi cong lên, mí mỏng; nói chung đôi mắt được vẽ khá đúng, dù nét vẽ chỉ là phác qua. Phía dưới mũi rất rộng và ngang, sống mũi hơi cong đem lại cho mũi một hình thù rất đặc biệt... Miệng rộng với đôi môi dày và khóe môi hoặc ít hoặc nhiều quăn lên...” [J. Boisselies, 1964].

Về kiến trúc, các nhà nghiên cứu đã chỉ ra những đặc trưng cơ bản của phong cách Đồng Dương “Chính trong phong cách này mà tính độc đáo, sự kỳ lạ của nghệ thuật Champa thể hiện rõ rệt nhất. Trước hết trang trí không lẫn với phong cách nào là hoa văn kiểu hình con sâu kỳ lạ... chúng tôi chỉ thấy trong trang trí Đồng Dương hoặc hiếm hoi hơn vào giai đoạn cuối của phong cách Đồng Dương... Cửa vòm nhỏ trang trí một hình hoa ở trên đỉnh và hai phần lớn ở hai bên uốn lên thành một chét hoa, nó tạo thành bằng những đường nét trang trí hình sâu... Bao phủ các cửa vòm bằng các trang trí gồm những mô típ nhỏ hình móc, hình móc kép và chữ S đầu nọ nối đầu kia và ghép vào một đường gờ mảnh... thậm chí các nhánh cây này tạo thành những chỗ cong không đều... Ô cửa bên trong hẹp lượn sang được tô đậm thêm bằng một đường chỉ kép và để trơn không trang trí. Hoa lá trang trí hình cuộn xen kẽ cả những lá cây hình móc. ít nhiều cuộn tròn và những hình cuộn sang cả hai bên cân xứng... Những hình kiến trúc thu

nhỏ thấy có nhiều, nay đơn giản hoá và nổi lên thành kiêu cửa vòm ở chân cột ốp của nền. Cột vách các bên đều được trang trí, ở giữa lại để trơn và có đường gờ. Cột vách có khuynh hướng dài ra, hai gờ chính giữa thụt vào; chỉ còn là một rãnh hẹp kéo dài trên cột vách đôi. Về điều khắc trang trí trên kiến trúc, nổi bật nhất là các họa tiết hình con sâu có vẻ nặng nề, rậm rịt của đồ trang sức, không lẫn với bất kỳ một điều khắc nào khác...”[ Lê Đình Phụng, 2011].

Những đặc trưng của phong cách nghệ thuật Đông Dương trên kiến trúc và điêu khắc mang đậm tính bản địa của dân tộc Chăm trong một thời kỳ tỏa sáng. Để hình thành nên tính bản địa, ngoài kế thừa yếu tố truyền thống được xây dựng phát triển gần ngàn năm trong lịch sử thì yếu tố tiếp thu, hội nhập cũng được người Chăm chú trọng, chọn lọc, bồi đắp để tạo nên bản sắc riêng của dân tộc mình. Từ những thành tựu đó, khi có điều kiện văn hóa Champa lại lan tỏa sang các nền văn hóa xung quanh, đặc biệt là văn hóa Việt, góp phần phong phú bản sắc văn hóa dân tộc trong lịch sử. Đó chính là giá trị văn hóa của Champa nói chung, giai đoạn văn hóa Đông Dương nói riêng trong dòng chảy chung của văn hóa dân tộc hôm nay./.

---

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảo tàng lịch sử thành phố Hồ Chí Minh (2024), *Avalokitesvara (Quan Thế Âm bồ tát)*, <https://www.baotanglichsutphcm.com.vn/avalokitesvara-Quan-the-am-bo-tat-1>, ngày truy cập 10/06/2024.
2. Phan Xuân Biên (1991), *Văn hóa Chăm*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Ngô Văn Doanh (2012), "Các Dravapala Đông Dương, hệ thống Lokapala đặc biệt của nghệ thuật Phật giáo Champa", *Tạp chí Nghiên cứu Nghệ thuật*, số 3.
4. Ngô Văn Doanh (2015), "Về pho tượng Phật lớn của Phật viện Đông Dương", *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 4 (53).
5. EFEO (1918), *Chronique*. BEFEO, N010.
6. EFEO (1922), *Chronique*. BEFEO, N022.
7. Griffiths A., Amandine Lepoutre, William A. Southworth and Thanh Phan (2012), *The Inscriptions of Campā in the Museum of Cham Sculpture at Da Nang*, VNUHCM Publishing House.

8. H.Parmentier, *Thống kê khảo tả di tích Chăm ở Trung kỳ, Paris (1909 – 1919)*, bản dịch tư liệu Viện Khảo cổ học.
9. H. Parmentier (1918), *Inventaire descriptif des monuments Chams de L' Annam*. Ha Noi.
- 10.Trần Thị Diệu Hồng (2017), "Di tích văn minh Champa ở Quảng Bình", *Tạp chí Văn hóa Quảng Bình*, số 5.
- 11.J. Boisselier (1963), *La statuaire du Champa, recherché sur cultes et L'Iconographie*, Ecole Francaise D'extreme - orient, Paris.
- 12.J. Boisselies (1964), *Nghệ thuật tạc tượng của nước Champa- Nghiên cứu sưu tầm về các đạo giáo tiểu tượng học*, Paris, Bản dịch tư liệu Viện Khảo cổ học.
- 13.L. Arousseau (1926), *Nouvelles fouilles de Đại-hữu (Quảng-bình, Annam)*, BEFEO, Tome 26.
- 14.L. Finot (1901), *La religion des Chams d'après les monuments*, BEFEO I
- 15.L. Finot, V. Golubev (1925), *Fouilles de Dai Huu. BEFEO*, Tome 25.
- 16.Nguyễn Xuân Lý (2023), Báu vật của văn hóa Chăm - tượng Phật Avalokitesvara, nguồn : <https://baobinhthuan.com.vn/bau-vat-cua-van-hoa-cham-tuong-phet-avalokitesvara>], 10/09/2023; ngày truy cập 10/6/2024].
- 17.Nguyễn Hữu Mạnh, Mai Bùi Diệu Linh (2019), "Tiểu phẩm Phật giáo Champa ở núi Chòi, Quảng Ngãi", *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, tập 5, số 6.
- 18.Nguyễn Văn Quảng (2021), "Di chỉ Phật giáo Champa vùng Bắc Hải Vân qua tư liệu khảo cổ học", *Tạp san Liễu Quán*, số 24, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- 19.Nguyễn Văn Quảng, Đinh Văn Viễn (2019), "Phật giáo Champa ở Quảng Bình", *Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Phật giáo Quảng Bình xưa và nay"*, Quảng Bình.
- 20.Lê Đình Phụng (2003), "Phật giáo Champa qua tư liệu khảo cổ học", *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 2.
- 21.Lê Đình Phụng (2011), "Khu di tích Đồng Dương (Quảng Nam), những giá trị lịch sử, văn hóa", trong *Hội thảo khoa học "Giải pháp bảo tồn di tích Chăm - Phật viện Đồng Dương"*, tổ chức tại Quảng Nam ngày 17/8/2011.
22. Trần Kỳ Phương, Nguyễn Thị Tú Anh (2020), "Nhận thức mới về pho tượng Bồ Tát bằng đồng của Phật viện Đồng Dương, Laksmindra-Lokesvara, Prajanaparamita hay Tara", *Tạp chí Nghiên cứu và phát triển*, số 2 (156).
- 23.Trần Kỳ Phương, Nguyễn Thị Tú Anh (2022), "Nghệ thuật Phật giáo Champa thời “hậu Đồng Dương”: khảo cứu ngẫu tượng Bồ Tát mật tông phát hiện tại tiểu quốc Vijaya thế kỷ XI – XIII", *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa Việt Nam*, số 3 (201).

24. Quảng Văn Sơn (2014), "Phật giáo Champa từ tư liệu đến nhận thức", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 06 (132).
25. Lê Đức Thọ (2023), "Dấu ấn Phật giáo Champa vùng Quảng Trị", Kỷ yếu hội thảo khoa học: Phật giáo trong cộng đồng dân tộc Chăm, Viện Nghiên cứu Tôn giáo tổ chức tháng 11 năm 2023 tại Hà Nội.

## **Abstract**

### **CHAMPA BUDDHISM THROUGH ARCHITECTURAL WORKS AND ARTIFACTS**

**Nguyen Van Quy**

*Institute for Religious Studies, VASS*

**Ta Quoc Khanh**

*Institute for conservation of monuments, The Ministry of  
Culture, Sports and Tourism*

The ancient Champa Kingdom existed in the Central region of Vietnam from the 2nd century to the first half of the 19th century and had many valuable cultural heritages to enrich the Vietnamese cultural heritages. The Champa people historically considered Brahmanism as the main religion. Many temples and shrines were built in the Central region to worship the gods of this religion. Buddhism was also introduced to Champa early and flourished between the late 9th century and the early 10th century with the center being Dong Duong Buddhist Monastery (Thang Binh-Quang Nam). Besides Dong Duong Buddhist Monastery, many architectural traces and relics related to Buddhism of ancient Champa residents have been discovered in many areas throughout Central Vietnam. These research results have gradually clarified many issues in the cultural, social, and religious life of the people of the Champa kingdom in history. Based on Religious History, the Archaeological research, this paper analyzes, evaluates, and identifies Champa Buddhism through the remaining traces and relics.

**Keywords:** Champa Buddhism, architecture, relics, Dong Duong Buddhist Monastery, Champa Kingdom